

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NAPI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NAPI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAPI CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAPI CONST .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109548355

3. Ngày thành lập: 11/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42C Ngõ 112 Ý La, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0919373663

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
2.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
3.	In ấn	1811
4.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
5.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
6.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
7.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
8.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
10.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
11.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
12.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
13.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
14.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
15.	Xây dựng nhà không để ở	4102
16.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
17.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18.	Xây dựng công trình điện	4221
19.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

21.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22.	Xây dựng công trình thủy	4291
23.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
24.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
25.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
33.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ các hoạt động đầu giá)	4511
34.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ các hoạt động đầu giá)	4513
35.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ các hoạt động đầu giá)	4530
37.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: + Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
38.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: + Bán buôn đồ uống có cồn. + Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
39.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: + Buôn bán gia công lắp đặt các sản phẩm: Inốc, sắt thép, nhôm, kính, nhựa, gỗ (trừ nhóm gỗ nhà nước cấm) + Đại lý kinh doanh sách báo được phép lưu hành + Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác + Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh + Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh + Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện + Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự + Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm + Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
41.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
42.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: + Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn + Bán buôn dầu thô + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan + Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: + Bán buôn quặng kim loại + Bán buôn sắt, thép + Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: + Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến + Bán buôn xi măng + Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi + Bán buôn kính xây dựng + Bán buôn sơn, vécni + Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh + Bán buôn đồ ngũ kim + Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; + Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
47.	Bán buôn tổng hợp	4690
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: + Khách sạn + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
55.	Xuất bản phần mềm	5820
56.	Lập trình máy vi tính	6201
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
58.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
59.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

60.	Cổng thông tin	6312
61.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại	6399
62.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán	6499
63.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn bảo hiểm, tài chính, pháp lý và chứng khoán)	6619
64.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
65.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: + Dịch vụ tư vấn bất động sản + Dịch vụ môi giới bất động sản + Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
68.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
69.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
71.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
72.	Cho thuê xe có động cơ	7710
73.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
74.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
75.	Đại lý du lịch	7911
76.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
77.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
78.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
80.	Đào tạo sơ cấp	8531

81.	Đào tạo trung cấp	8532
82.	Đào tạo cao đẳng	8533
83.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560

6. Vốn điều lệ: 19.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM MINH HOÀNG	Thôn Phú Sơn, Xã Phú Nhuận, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	380.000	3.800.000.000	20,000	038088007487	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	380.000	3.800.000.000	20,000		

2	LÊ XUÂN TRƯỜNG	Khu Phố Mới, Xã Vạn Thắng, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.140.000	11.400.000.000	60,000	038084019470
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.140.000	11.400.000.000	60,000	
3	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	Thôn Thịnh Lạc, Xã Tế Nông, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	380.000	3.800.000.000	20,000	038088015758
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	380.000	3.800.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN CƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *02/09/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *038088015758*

Ngày cấp: *24/07/2019*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thịnh Lạc, Xã Tế Nông, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Thịnh Lạc, Xã Tế Nông, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*